TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 5 - 2020
V/v tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Phạm Hiếu Thiện
2. Bà Nguyễn Thị Mơ

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Hồ Văn Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú tham gia phiên toà:* Ông Phan Văn Y - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2020/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Bé T, sinh năm: 1999; địa chỉ: 263/1 ấp AĐ, xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Phan Văn U, sinh năm: 1991, địa chỉ: 90/1 ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Lê Thị Bé T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phan văn U được gia đình tổ chức lễ cưới và tự nguyện sống chung vào năm 2015. Sau đó mới tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/7/2019. Sau khi cưới nhau chị và anh U cùng làm ăn và sinh sống tại ấp AT, xã AQ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Thời gian chung sống có 01 con chung Phan Trọng Nhựt, sinh ngày: 21/01/2016. Tuy nhiên trong khoảng thời gian sống chung chị và anh U thường xuyên mâu thuẫn, cải vã nhau từ việc anh U thường xuyên nhậu nhẹt, chơi bời, không chăm lo cuộc sống gia đình; anh còn ghen tuông vô cớ và đánh đập chị. Chị đã nhiều lần khuyên giải nhưng anh không sửa đổi. Vì vậy chị đã trở về nhà

mẹ ruột tại ấp An Điền, xã An Điền sinh sống và ly thân với anh U từ tháng 01/2019 cho đến nay. Và cũng từ đó anh U, không liên lạc gì với chị và cũng không đến thăm con. Do anh U không có thiện chí hàn gắn tình cảm nên chị yêu cầu được ly hôn với anh. Chị không yêu cầu anh U cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: cháu Phan Trọng Nhựt, sinh ngày: 21/01/2016 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: chị trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Phan Văn U đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị T và anh U các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị và anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Lê Thị Bé T, chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn U nên đây là tranh chấp "ly hôn, nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Phan Văn U cư trú tại xã An Qui, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: chị T có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị T và anh U kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Điền, huyện Thạnh Phú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 19/7/2019. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị T cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị và anh U đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc chị và anh U thường xuyên cãi vả, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh U thiếu quan tâm chăm sóc chị và con, không chăm lo cuộc sống gia đình, chị và anh U đã sống ly thân, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Đối với anh Phan Văn U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị T và ah U cho nên nội dung mà chị T đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa chị và anh là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh, chị đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp.

[5] Về con chung: cháu Phan Trọng Nh, sinh ngày: 21/01/2016 hiện đang sống cùng chị T, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh U cấp dưỡng nuôi con chung, chị T có đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dạy con chung đảm bảo phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy cần giao cháu Nh cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận việc anh U không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; anh U không có lời trình bày về vấn đề này, do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Chị T và anh U được quyền khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác (nếu có yêu cầu).

[7] Về án phí: chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận tòan bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Bé T. Chị Lê Thị Bé T được ly hôn với anh Phan Văn U.

Chị T và anh U không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phan Trọng Nh, sinh ngày: 21/01/2016 và ghi nhận việc anh U không cấp dưỡng nuôi con chung do chị T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi

dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị T trình bày không có và không yêu cầu giải quyết; anh Phúc không có lời trình bày về vấn đề này nên không xem xét giải quyết. Chị T và anh U được quyền khởi kiện yêu cầu về việc giải quyết về vấn đề tài sản chung, nợ chung trong vụ án dân sự khác nếu có yêu cầu.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Lê Thị Bé T phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0009458 ngày 18/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã An Điền;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Cẩm Nhung

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Mơ – Phạm Hiếu Thiện **Phan Cẩm Nhung**